

**THỰC TRẠNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN  
NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC: NGHIÊN CỨU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**  
THE CURRENT STATE OF PROFESSIONAL ETHICS EDUCATION FOR EDUCATIONAL MANAGEMENT  
STUDENTS: A STUDY AT SAIGON UNIVERSITY

**Nguyễn Huy Dũng**

Trường Đại học Sài Gòn  
Email: [nhdung@sgu.edu.vn](mailto:nhdung@sgu.edu.vn)

**Article history**

Received: 03/4/2026

Accepted: 29/4/2026

Published: 20/6/2026

**Keywords**

Education, professional ethics, students, Educational Management, Saigon University

**ABSTRACT**

In the context of fundamental and comprehensive educational reform and international integration, professional ethics education plays a crucial role in shaping the qualities and competencies of students majoring in Educational Management. However, its implementation in practice still reveals several limitations, requiring systematic evaluation. This study was conducted at Saigon University using questionnaires, interviews, and document analysis. The findings indicate that professional ethics education has been implemented with institutional attention, and students have developed a certain level of awareness. Nevertheless, its effectiveness remains uneven; the application of ethical knowledge in practice is limited; the content is still theory-laden; teaching methods lack diversity; and assessment practices are not sufficiently comprehensive. The results suggest the need to innovate professional ethics education by enhancing practical relevance, diversifying instructional approaches, and improving assessment mechanisms to foster students' ethical qualities and professional competencies in response to current educational reform demands.

**1. Mở đầu**

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và hội nhập quốc tế, các cơ sở giáo dục đại học ngày càng chú trọng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học, trong đó giáo dục đạo đức nghề nghiệp giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Trường Đại học Sài Gòn là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, với triết lý giáo dục “Rèn đức, Luyện tài, Vững bước, Hội nhập”, hướng tới đào tạo người học có nhân cách, vững chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm và sáng tạo trong công việc. Trong quá trình đào tạo, nhà trường đã tích hợp nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua hệ thống đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên (SV), được triển khai xuyên suốt khóa học và quản lý trên nền tảng LMS (Learning Management System).

Mặc dù hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện của SV đã được triển khai có hệ thống với nhiều tiêu chí cụ thể, song thực tiễn cho thấy hiệu quả của công tác này, đặc biệt trong việc phản ánh và thúc đẩy giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV, vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ và toàn diện. Bên cạnh đó, những khó khăn, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện và mức độ tác động của các tiêu chí đánh giá đến sự hình thành phẩm chất nghề nghiệp của SV vẫn còn là vấn đề cần tiếp tục làm rõ. Mục tiêu của nghiên cứu là khảo sát thực trạng và những khó khăn trong việc triển khai đánh giá kết quả rèn luyện của SV tại Trường Đại học Sài Gòn. Nghiên cứu tập trung trả lời các câu hỏi sau: (1) Cơ sở lý luận về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay được hiểu như thế nào? (2) Thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp của SV ngành Quản lý giáo dục (QLGD) Trường Đại học Sài Gòn hiện nay như thế nào?; (3) - Cần có những khuyến nghị nào nhằm nâng cao hiệu quả đánh giá kết quả rèn luyện, qua đó góp phần phát triển phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp cho SV ngành QLGD tại Trường Đại học Sài Gòn?

**2. Phương pháp nghiên cứu**

Đánh giá thực trạng rèn luyện của SV ngành QLGD, nhóm nghiên cứu đã sử dụng phương pháp điều tra qua bảng hỏi nhằm giúp dữ liệu thu thập vừa mang tính tổng quát, vừa có chiều sâu, phản ánh đầy đủ các khía cạnh liên quan đến quá trình học tập và rèn luyện của SV (Creswell và Creswell, 2018). Đối tượng nghiên cứu thuộc 2 nhóm: nhóm 1: 4 CBQL và 18 giảng viên (GV) - là những chủ thể trực tiếp xây dựng kế hoạch, tổ chức và triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy, chịu tác động trực tiếp từ các quyết định quản lý. Nhóm 2: gồm 204 SV các khóa ngành QLGD, là lực lượng trực tiếp tham gia các hoạt động học tập và chịu ảnh hưởng từ các quyết định quản lý.

Các bảng câu hỏi được xây dựng dựa trên cơ sở lý thuyết về giáo dục đạo đức nghề nghiệp, mô hình nhân cách nghề nghiệp và các quy định hiện hành về công tác SV. Nội dung bảng khảo sát kế thừa các nghiên cứu của Phan Ngọc Hiền (2020), Nguyễn Thị Lan Anh (2021), Chen và cộng sự (2020), Lee và Park (2020), Miró-Colmenárez và cộng sự (2025), Carvalho (2025), Assefa (2025), Stenalt (2025). Các biến quan sát được đối chiếu với Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 16/2020/TT-BGDĐT và Thông báo số 2430/TB-ĐHSG, gồm 5 nhóm tiêu chí phản ánh nhận thức, hành vi và năng lực của SV ngành QLGD. Phiếu hỏi được phát trực tiếp đến từng đối tượng khảo sát, cung cấp dữ liệu định lượng về nhận thức, thái độ và mức độ thực hiện. Phỏng vấn định tính được tiến hành với CBQL, GV nhằm làm rõ các kết quả phiếu hỏi, khám phá các nguyên nhân, khó khăn và kinh nghiệm trong việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp. Việc phân chia hai nhóm giúp bảo đảm tính đa chiều của dữ liệu, cho phép so sánh mức độ thống nhất hoặc chênh lệch trong đánh giá giữa chủ thể quản lý và đối tượng thực hiện, từ đó phản ánh thực trạng một cách khách quan và toàn diện hơn.

Thang đo khảo sát được thiết kế theo thang Likert 5 mức, với các mức độ: 1- Kém, 2- Yếu, 3- Trung bình, 4- Khá, 5- Tốt. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS 25.0. Độ tin cậy của các thang đo được kiểm định bằng hệ số Cronbach's Alpha, nhằm đảm bảo tính nhất quán và độ tin cậy của các biến quan sát (Gliem và Gliem, 2003). Kết quả cho thấy, các thang đo đều đạt hệ số Cronbach's Alpha ở mức cao (từ 0.79- 0.87), phản ánh mức độ nhất quán cao giữa các biến khảo sát. Thời gian khảo sát: tháng 9/2025.

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Cơ sở lý luận

Trong bối cảnh Việt Nam, giáo dục đạo đức nghề nghiệp được coi là yếu tố cốt lõi để hình thành nhân cách, phẩm chất và giá trị nghề nghiệp cho SV ngành QLGD, đồng thời phản ánh ý thức kỉ luật và tinh thần tập thể trong học tập (Phan Ngọc Hiền, 2020). Nghiên cứu dựa trên mô hình nhân cách nghề nghiệp, trong đó SV được đánh giá thông qua các tiêu chí về học tập, kỉ luật, hoạt động xã hội và vai trò lãnh đạo (Nguyễn Thị Lan Anh, 2021). Cơ sở pháp lý gồm Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 16/2020/TT-BGDĐT và Thông báo số 2430/TB-ĐHSG về phiếu đánh giá kết quả rèn luyện SV, cung cấp khung pháp lý và tiêu chí đánh giá cụ thể. Các đặc điểm đánh giá SV được chia thành 5 nhóm chính:

*Ý thức và kết quả học tập:* (1) Kết quả học tập của SV phản ánh năng lực học thuật và mức độ đạt chuẩn đầu ra (Bộ GD-ĐT, 2020); (2) Tinh thần vượt khó trong học tập, dựa trên lý thuyết động lực và khả năng tự điều chỉnh học tập (Stenalt, 2025); (3) Tham gia nghiên cứu khoa học, thể hiện năng lực tư duy phản biện và học tập sâu (Chen và cộng sự, 2020); (4) Tham gia rèn luyện nghiệp vụ, gắn với học tập trải nghiệm và phát triển năng lực nghề nghiệp (Miró- Colmenárez và cộng sự, 2025); (5) Tham gia các câu lạc bộ học thuật, phản ánh sự gắn kết học tập và môi trường học tập mở rộng (Lee và Park, 2020); (6) Thành viên đội tuyển Olympic các môn học, đại diện cho mức độ tham gia học thuật nâng cao và thành tích học tập xuất sắc (Bộ GD-ĐT, 2020).

*Ý thức chấp hành quy chế, nội quy,* bao gồm: (1) Chấp hành tốt nội quy, quy chế của nhà trường, căn cứ quy định về nghĩa vụ của SV (Bộ GD-ĐT, 2016); (2) Tham gia hoạt động học tập tại Trung tâm học liệu, phản ánh ý thức sử dụng tài nguyên học tập và tự học (Trường Đại học Sài Gòn, 2022); (3) Tham gia đầy đủ các buổi họp, thể hiện trách nhiệm và tinh kỉ luật tập thể (Nguyễn Thị Lan Anh, 2021); (4) Tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm, tọa đàm dựa trên lý thuyết học tập trải nghiệm và giáo dục giá trị (Miró- Colmenárez và cộng sự, 2025); (5) Khen thưởng và xử lí vi phạm, dựa trên lý thuyết củng cố hành vi trong giáo dục (Carvalho, 2025).

*Tham gia hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, thể thao:* (1) Tham gia sinh hoạt chính trị - xã hội, thể hiện nhận thức công dân và trách nhiệm xã hội (Bộ GD-ĐT, 2020); (2) Ý thức phòng chống tệ nạn xã hội, liên quan đến giáo dục đạo đức và hành vi chuẩn mực (Carvalho, 2025); (3) Tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nhằm phát triển kĩ năng mềm và gắn kết cộng đồng (Durkheim, 1998); (4) Tham gia đội tuyển văn nghệ, thể dục thể thao (cấp khoa/trường), phản ánh mức độ tham gia tích cực (Assefa, 2025); (5) Đạt khen thưởng cấp toàn quốc. Đại diện cho thành tích và động lực phát triển cá nhân (Bộ GD-ĐT, 2020).

*Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng,* bao gồm: (1) Chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật. Nền tảng của ý thức công dân (Bộ GD-ĐT, 2020); (2) Được biểu dương người tốt, việc tốt, phản ánh hành vi đạo đức tích cực (Carvalho, 2025); (3) Tham gia hoạt động tình nguyện: Phát triển tinh thần cộng đồng (Wilson, 2000); (4) Tham gia công tác xã hội ngắn hạn căn cứ vào biểu hiện tham gia của công dân (Assefa, 2025); (5) Tinh thần chia sẻ, giúp đỡ, liên quan đến đạo đức vị tha (Assefa, 2025); (6) Tham gia hiến máu tình nguyện là một trong những hành vi tình nguyện tiêu biểu (Assefa, 2025); (7) Tham gia hội thao Giáo dục quốc phòng - An ninh nhằm phát triển ý thức trách

nhiệm công dân và kỉ luật (Trường Đại học Sài Gòn, 2022); (8) Vi phạm an toàn giao thông, trật tự công cộng, phản ánh hành vi lệch chuẩn của công dân (Bộ GD-ĐT, 2020).

*Tham gia công tác lớp, Đoàn - Hội*, được cụ thể hóa tại Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của SV trong Thông báo số 2430/TB-ĐHSG ngày 24/10/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn (2022) và quy chế về công tác SV đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy của Bộ GD-ĐT (2020), bao gồm: (1) Tham gia công tác lớp, Ban Chấp hành Đoàn - Hội, thể hiện vai trò lãnh đạo cơ sở; (2) Tham gia Đoàn - Hội cấp khoa/trường, phản ánh mức độ tham gia tổ chức; (3) Vai trò tổ trưởng, cán sự bộ môn nhằm phát triển kĩ năng quản lí nhóm; (4) Đảng viên/đoàn viên phản ánh ý thức chính trị - xã hội; (5) Khen thưởng trong công tác Đoàn - Hội nhằm đo lường hiệu quả hoạt động lãnh đạo; (6) Tổ chức sự kiện, chương trình để phát triển kĩ năng tổ chức và quản lí; (7) Tham gia hoạt động tình nguyện do Đoàn - Hội phát động thể hiện vai trò gắn kết cộng đồng (Bộ GD-ĐT, 2020, Trường Đại học Sài Gòn, 2022); (8) Tham gia tập huấn kĩ năng thể hiện sự phát triển năng lực lãnh đạo; (9) Hỗ trợ SV khóa sau đánh giá mức độ hỗ trợ phát triển trách nhiệm nghề nghiệp; (10) Tham gia hoạt động đặc biệt do nhà trường huy động có thể đo lường tinh thần trách nhiệm tập thể; (11) Đạt giải thưởng cấp tỉnh trở lên phản ánh năng lực và thành tích cá nhân (Nguyễn Văn Hòa và Lê Thị Hồng Nhung, 2020, Trường Đại học Sài Gòn, 2022).

Nhìn chung, cơ sở lí luận kết hợp mô hình nhân cách nghề nghiệp và các tiêu chí pháp lí, lí thuyết giáo dục giúp đánh giá toàn diện các khía cạnh về nhận thức, hành vi và năng lực của SV ngành QLGD, từ đó làm nền tảng cho phân tích thực trạng và đề xuất khuyến nghị.

### 3.2. Kết quả khảo sát

#### 3.2.1. Thực trạng về ý thức và kết quả học tập của sinh viên ngành Quản lí giáo dục Trường Đại học Sài Gòn

Bảng 1. Đánh giá về ý thức và kết quả học tập của SV

| STT | Nội dung đánh giá                               | Mức độ thực hiện |             |             |    |
|-----|---|------------------|-------------|-------------|----|
|     |   | SL               | ĐTB         | ĐCL         | XH |
| 1   | Kết quả học tập của SV                          | CBQL, GV         | 4.03        | 0.88        | 2  |
|     |   | SV               | 4.19        | 0.84        | 1  |
| 2   | Tinh thần vượt khó trong học tập                | CBQL, GV         | 4.00        | 0.84        | 3  |
|     |   | SV               | 4.16        | 0.81        | 3  |
| 3   | Tham gia nghiên cứu khoa học                    | CBQL, GV         | 3.94        | 0.87        | 6  |
|     |   | SV               | 4.13        | 0.84        | 4  |
| 4   | Tham gia rèn luyện nghiệp vụ                    | CBQL, GV         | 3.97        | 0.81        | 4  |
|     |   | SV               | 4.10        | 0.79        | 6  |
| 5   | Tham gia các câu lạc bộ học thuật               | CBQL, GV         | 4.05        | 0.82        | 1  |
|     |   | SV               | 4.18        | 0.80        | 2  |
| 6   | Thành viên đội tuyển dự thi Olympic các môn học | CBQL, GV         | 3.95        | 0.88        | 5  |
|     |   | SV               | 4.11        | 0.86        | 5  |
|     | ĐTB chung                                       | CBQL, GV         | <b>3.99</b> | <b>0.85</b> |    |
|     |   | SV               | <b>4.15</b> | <b>0.83</b> |    |

Kết quả khảo sát cho thấy, *ý thức và kết quả học tập của SV* ngành QLGD tại Trường Đại học Sài Gòn ở mức Khá, thể hiện các em có ý thức học tập nghiêm túc, chủ động và tinh thần rèn luyện nghề nghiệp tương đối tích cực. SV thể hiện khả năng tự định hướng học tập, biết tìm kiếm tài liệu và tự giải quyết vấn đề, đây là điểm mạnh quan trọng trong môi trường giáo dục đại học. Tinh thần vượt khó và khả năng thích ứng cũng được đánh giá cao, giúp SV sẵn sàng đối mặt với thử thách và rèn luyện tư duy giải quyết vấn đề là những phẩm chất cần thiết cho người làm QLGD. Hoạt động nghiên cứu khoa học và rèn luyện nghiệp vụ được SV quan tâm nhưng vẫn cần cải thiện về kĩ năng và phương pháp thực hành. Việc tham gia câu lạc bộ học thuật và các đội tuyển thi học thuật giúp SV phát triển kĩ năng mềm, tư duy sáng tạo và tăng cường tinh thần học tập tích cực.

Phòng vấn CBQL, GV chúng tôi nhận thấy các hoạt động này tạo môi trường học tập cởi mở, khuyến khích hợp tác và phát triển năng lực chuyên môn. Nguyên nhân kết quả tích cực xuất phát từ việc tổ chức học tập kết hợp lí thuyết và thực hành, đồng thời SV được hướng dẫn và khích lệ thường xuyên. Tuy nhiên, hạn chế là các hoạt động

thực hành và trải nghiệm nghề nghiệp chưa đồng đều và chưa hệ thống, ảnh hưởng đến cơ hội rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp toàn diện.

### 3.2.2. Thực trạng về ý thức và kết quả chấp hành quy chế, nội quy, quy định trong nhà trường

Bảng 2. Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành quy chế, nội quy, quy định trong nhà trường

| STT              | Nội dung đánh giá   | Mức độ thực hiện |             |             |    |
|------------------|---|------------------|-------------|-------------|----|
|                  |   | Khách thể        | ĐTB         | ĐCL         | XH |
| 1                | Chấp hành tốt nội quy, quy chế của nhà trường   | CBQL, GV         | 3.95        | 0.84        | 2  |
|                  |   | SV               | 4.15        | 0.82        | 1  |
| 2                | Tham gia các hoạt động học tập tại Trung tâm học liệu   | CBQL, GV         | 3.86        | 0.89        | 3  |
|                  |   | SV               | 3.89        | 0.87        | 5  |
| 3                | Tham gia đầy đủ các buổi họp của trường, khoa, cố vấn học tập, lớp tổ chức  | CBQL, GV         | 3.82        | 0.72        | 4  |
|                  |   | SV               | 4.07        | 0.74        | 3  |
| 4                | Tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm, tọa đàm, nhằm giúp người học hiểu rõ hơn giá trị của việc chấp hành kỉ luật, rèn luyện tác phong và ý thức nghề nghiệp. | CBQL, GV         | 3.77        | 0.78        | 5  |
|                  |   | SV               | 4.11        | 0.85        | 2  |
| 5                | Khen thưởng, biểu dương các cá nhân, tập thể thực hiện tốt; đồng thời xử lí nghiêm minh các trường hợp vi phạm nội quy  | CBQL, GV         | 4.00        | 0.70        | 1  |
|                  |   | SV               | 3.96        | 0.81        | 4  |
| <b>ĐTB chung</b> |   | <b>CBQL, GV</b>  | <b>3.88</b> | <b>0.79</b> |    |
|                  |   | <b>SV</b>        | <b>4.03</b> | <b>0.82</b> |    |

Kết quả khảo sát cho thấy SV ngành QLGD có ý thức kỉ luật tương đối tốt và tuân thủ nội quy, quy định của nhà trường. Nhận định từ cả CBQL, GV và SV khá đồng thuận, phản ánh sự thống nhất về nhận thức và hành vi trong học tập, tác phong và giờ giấc. Việc chấp hành nội quy và quy chế được SV đánh giá cao, đồng thời cơ chế khen thưởng và xử lí vi phạm được thực hiện khá công bằng và minh bạch, góp phần củng cố ý thức kỉ luật. Tuy nhiên, các hoạt động giáo dục trải nghiệm và tọa đàm về kỉ luật, tác phong nghề nghiệp mặc dù được tổ chức thường xuyên nhưng hiệu quả chưa cao. Một số chương trình còn thiên về hình thức, thiếu sức lan tỏa và chưa tác động sâu đến nhận thức, hành vi của SV.

Ngoài ra, việc sử dụng Trung tâm học liệu và tài nguyên học tập mở chưa thực sự hiệu quả. Nhiều SV chưa hình thành thói quen tự học, khai thác tài liệu và rèn luyện năng lực nghiên cứu độc lập. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc thiếu định hướng, hướng dẫn cụ thể và sự khuyến khích thường xuyên từ GV cũng như hạn chế trong tổ chức hoạt động trải nghiệm. Do đó, cần có biện pháp tăng cường định hướng học tập, khích lệ và xây dựng môi trường thuận lợi để SV phát triển năng lực tự học và nâng cao ý thức chấp hành quy chế.

### 3.2.3. Thực trạng về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội

Bảng 3. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội

| STT              | Nội dung đánh giá  | Mức độ thực hiện |             |             |    |
|------------------|--|------------------|-------------|-------------|----|
|                  |  | Khách thể        | ĐTB         | ĐCL         | XH |
| 1                | Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chính trị xã hội theo quy định                    | CBQL, GV         | 3.89        | 0.88        | 4  |
|                  |  | SV               | 4.11        | 0.98        | 3  |
| 2                | Ý thức phòng, chống tệ nạn xã hội và giữ gìn nếp sống văn hóa học đường              | CBQL, GV         | 3.77        | 0.82        | 6  |
|                  |  | SV               | 4.05        | 0.83        | 6  |
| 3                | Tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội... | CBQL, GV         | 4.09        | 0.87        | 1  |
|                  |  | SV               | 4.17        | 0.83        | 1  |
| 4                | Tham gia trong đội tuyển văn nghệ, thể dục thể thao                                  | CBQL, GV         | 4.02        | 0.90        | 2  |
|                  |  | SV               | 4.08        | 0.86        | 5  |
| 5                | Tham gia trong đội tuyển văn nghệ, thể dục thể thao cấp trường                       | CBQL, GV         | 3.95        | 0.84        | 3  |
|                  |  | SV               | 4.10        | 0.87        | 4  |
| 6                | Tham gia trong đội tuyển văn nghệ, thể dục thể thao được khen thưởng cấp toàn quốc   | CBQL, GV         | 3.86        | 0.89        | 5  |
|                  |  | SV               | 4.14        | 0.82        | 2  |
| <b>ĐTB chung</b> |  | <b>CBQL, GV</b>  | <b>3.94</b> | <b>0.87</b> |    |
|                  |  | <b>SV</b>        | <b>4.11</b> | <b>0.87</b> |    |

Kết quả khảo sát cho thấy SV ngành QLGD tích cực tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao, đồng thời có ý thức tương đối tốt trong phòng chống tệ nạn xã hội. Các hoạt động này giúp SV phát triển kỹ năng mềm, tinh thần đoàn kết và lối sống tích cực, góp phần xây dựng môi trường học đường lành mạnh. Tuy nhiên, mức độ tham gia chưa đồng đều, đặc biệt ở các buổi sinh hoạt chính trị - xã hội và một số chương trình phòng chống tệ nạn xã hội. Nguyên nhân chủ yếu là một số SV còn thụ động, thiếu nhận thức đầy đủ về ý nghĩa của các hoạt động, trong khi sự khác biệt giữa đánh giá của CBQL, GV và SV phản ánh góc nhìn khác nhau: SV chú trọng trải nghiệm và sự hứng thú, còn CBQL, GV quan tâm hiệu quả, chiều sâu và tính bền vững của hoạt động. Như vậy, mặc dù tinh thần tham gia chung cao, việc nâng cao nhận thức và hệ thống hóa các hoạt động chính trị - xã hội là yêu cầu cần thiết để tăng cường hiệu quả giáo dục đạo đức và trách nhiệm công dân.

#### 3.2.4. Thực trạng về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

Bảng 4. Đánh giá ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

| STT              | Nội dung đánh giá   | Mức độ thực hiện |             |             |    |
|------------------|---|------------------|-------------|-------------|----|
|                  |   | Khách thể        | ĐTB         | ĐCL         | XH |
| 1                | Chấp hành tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước            | CBQL, GV         | 4.01        | 0.77        | 2  |
|                  |   | SV               | 4.13        | 0.75        | 4  |
| 2                | Được biểu dương người tốt, việc tốt ở nhà trường hoặc ở địa phương          | CBQL, GV         | 3.86        | 0.99        | 6  |
|                  |   | SV               | 4.15        | 0.96        | 3  |
| 3                | Tham gia các hoạt động tình nguyện trung hạn: Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi | CBQL, GV         | 3.82        | 0.80        | 7  |
|                  |   | SV               | 4.09        | 0.97        | 6  |
| 4                | Tham gia các công tác xã hội và các hoạt động tình nguyện ngắn ngày         | CBQL, GV         | 3.73        | 0.86        | 8  |
|                  |   | SV               | 4.11        | 0.92        | 5  |
| 5                | Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người có khó khăn, hoạn nạn                   | CBQL, GV         | 3.97        | 0.87        | 3  |
|                  |   | SV               | 4.08        | 0.83        | 7  |
| 6                | Tham gia hiến máu tình nguyện   | CBQL, GV         | 4.09        | 0.79        | 1  |
|                  |   | SV               | 4.19        | 0.77        | 1  |
| 7                | Tham gia hội thao Giáo dục Quốc phòng - An ninh cấp phường, cấp Thành phố   | CBQL, GV         | 3.91        | 0.81        | 5  |
|                  |   | SV               | 4.07        | 0.80        | 8  |
| 8                | Vi phạm an toàn giao thông, trật tự công cộng                               | CBQL, GV         | 3.94        | 0.92        | 4  |
|                  |   | SV               | 4.16        | 0.90        | 2  |
| <b>ĐTB chung</b> |   | <b>CBQL, GV</b>  | <b>3.94</b> | <b>0.87</b> |    |
|                  |   | <b>SV</b>        | <b>4.11</b> | <b>0.87</b> |    |

Kết quả khảo sát cho thấy SV ngành QLGD có nhận thức tốt về vai trò công dân và thể hiện tinh thần trách nhiệm trong các mối quan hệ cộng đồng. SV chủ động tham gia các hoạt động xã hội và thiện nguyện như hiến máu, hỗ trợ thí sinh, chiến dịch Mùa hè xanh hay các chương trình tại địa phương, qua đó thể hiện lòng nhân ái, sự sẻ chia và ý thức cống hiến. SV chấp hành tốt các quy định pháp luật và nội quy nhà trường, duy trì tác phong văn minh và ý thức giữ gìn trật tự xã hội. Tuy nhiên, việc tham gia các hoạt động xã hội chưa đồng đều. Một số SV chưa duy trì đều đặn do hạn chế về thời gian học tập hoặc thiếu các hình thức tổ chức phong trào phù hợp để thu hút sự tham gia lâu dài. Nguyên nhân này cho thấy cần tăng cường hướng dẫn, tuyên truyền và tạo thêm cơ hội thực tiễn để SV phát huy tốt hơn vai trò công dân và tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng.

#### 3.2.5. Thực trạng về ý thức và kết quả tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể trong nhà trường

Bảng 5. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể trong nhà trường

| STT | Nội dung đánh giá  | Mức độ thực hiện |      |      |    |
|-----|--|------------------|------|------|----|
|     |  | Khách thể        | ĐTB  | ĐCL  | XH |
| 1   | Tham gia công tác lớp, Ban Chấp hành Đoàn - Hội          | CBQL, GV         | 3.86 | 0.89 | 10 |
|     |  | SV               | 4.19 | 0.89 | 1  |
| 2   | Tham gia công tác Đoàn - Hội cấp khoa, chi đoàn, chi hội | CBQL, GV         | 4.09 | 0.87 | 5  |
|     |  | SV               | 4.18 | 0.84 | 2  |
| 3   | Vai trò của tổ trưởng, cán sự bộ môn                     | CBQL, GV         | 4.00 | 0.76 | 7  |
|     |  | SV               | 4.01 | 0.74 | 11 |
| 4   | Đảng viên, đối tượng Đảng và đoàn viên                   | CBQL, GV         | 4.14 | 0.89 | 3  |
|     |  | SV               | 4.12 | 0.85 | 6  |
| 5   | Biểu dương, khen thưởng trong công tác Đoàn - Hội        | CBQL, GV         | 3.82 | 0.72 | 11 |
|     |  | SV               | 4.11 | 0.96 | 7  |

|                  |  |                 |             |             |    |
|------------------|--|-----------------|-------------|-------------|----|
| 6                | Tham gia công tác tổ chức các sự kiện, chương trình của khoa và nhà trường         | CBQL, GV        | 3.95        | 0.79        | 8  |
|                  |  | SV              | 4.08        | 0.75        | 8  |
| 7                | Tham gia các chương trình tình nguyện, hoạt động cộng đồng do Đoàn - Hội phát động | CBQL, GV        | 4.09        | 0.92        | 5  |
|                  |  | SV              | 4.07        | 0.88        | 9  |
| 8                | Tham gia tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng cán bộ Đoàn - Hội                             | CBQL, GV        | 4.12        | 0.88        | 4  |
|                  |  | SV              | 4.17        | 0.84        | 3  |
| 9                | Hỗ trợ, hướng dẫn SV khóa sau trong học tập và rèn luyện                           | CBQL, GV        | 3.95        | 0.88        | 8  |
|                  |  | SV              | 4.16        | 0.92        | 4  |
| 10               | Tham gia các hoạt động đặc biệt do nhà trường huy động                             | CBQL, GV        | 4.18        | 0.95        | 1  |
|                  |  | SV              | 4.15        | 0.96        | 5  |
| 11               | Đạt giải thưởng trong các kì thi cấp tỉnh thành trở lên                            | CBQL, GV        | 4.16        | 0.80        | 2  |
|                  |  | SV              | 4.04        | 0.96        | 10 |
| <b>ĐTB chung</b> |  | <b>CBQL, GV</b> | <b>4.03</b> | <b>0.85</b> |    |
|                  |  | <b>SV</b>       | <b>4.12</b> | <b>0.87</b> |    |

SV ngành QLGD thể hiện tinh thần trách nhiệm cao và ý thức tập thể rõ nét qua việc tích cực tham gia công tác lớp, Ban Chấp hành Đoàn - Hội và các tổ chức trong nhà trường. SV chủ động đảm nhận vai trò tổ trưởng, cán sự hoặc đoàn viên, đối tượng Đảng, đồng thời tham gia các chương trình, sự kiện do khoa và nhà trường tổ chức. Qua các hoạt động này, SV rèn luyện kỹ năng lãnh đạo, tổ chức, giao tiếp và xử lý tình huống là những năng lực quan trọng đối với công tác QLGD. Ngoài ra, SV tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện, hỗ trợ khóa sau và các chương trình cộng đồng, thể hiện tinh thần chia sẻ, đoàn kết và trách nhiệm với tập thể. Tuy nhiên, công tác khen thưởng và biểu dương thành tích chưa thực hiện đều, nên chưa phát huy tối đa hiệu quả khích lệ. Bên cạnh đó, một số SV còn gặp khó khăn trong việc cân đối giữa học tập và tham gia phong trào, ảnh hưởng đến mức độ tham gia và phát triển năng lực cá nhân. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc tổ chức phong trào chưa thực sự linh hoạt, chưa tạo đủ điều kiện để SV kết hợp học tập và hoạt động ngoại khóa hiệu quả.

### 3.4. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Quản lý giáo dục Trường Đại học Sài Gòn

Trên cơ sở kết quả khảo sát thực trạng ý thức và kết quả học tập của SV, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao năng lực và phẩm chất nghề nghiệp cho SV. Cụ thể: (1) *Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp và giáo dục giá trị sống*: tổ chức các hoạt động thực tiễn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, tham gia nghiên cứu khoa học, thực tập tại các đơn vị giáo dục để kết hợp lý thuyết và thực hành; (2) *Nâng cao kỉ luật và trách nhiệm học tập*: tham gia đầy đủ các buổi học, sinh hoạt và tọa đàm, đồng thời áp dụng cơ chế khen thưởng và xử lý vi phạm công bằng, minh bạch; (3) *Phát triển năng lực xã hội và công dân*: khuyến khích SV tham gia hoạt động chính trị - xã hội, tình nguyện, văn hóa, thể thao, hiến máu và các dự án cộng đồng để tăng cường trách nhiệm và tinh thần hợp tác; (4) *Rèn luyện kỹ năng lãnh đạo và quản lý nhóm*: tạo điều kiện cho SV đảm nhận vai trò tổ trưởng, cán sự, tham gia Ban Chấp hành Đoàn - Hội, tổ chức sự kiện, hướng dẫn khóa sau nhằm nâng cao kỹ năng quản lý, giao tiếp và lãnh đạo; (5) *Xây dựng môi trường giáo dục nhân văn, dân chủ, lấy SV làm trung tâm*: phối hợp giữa nhà trường, CBQL, giảng viên và các tổ chức đoàn thể, đảm bảo sự hài hòa giữa học tập, hoạt động xã hội và trải nghiệm thực tiễn, góp phần hình thành đạo đức nghề nghiệp bền vững. Các biện pháp trên mang tính hệ thống và khả thi, hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện SV ngành QLGD Trường Đại học Sài Gòn đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay.

## 4. Kết luận và bình luận

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong đào tạo SV ngành QLGD tại Trường Đại học Sài Gòn không chỉ dừng lại ở việc trang bị kiến thức và kỹ năng chuyên môn mà còn hướng tới việc hình thành nhân cách nghề nghiệp là yếu tố nền tảng cho sự phát triển năng lực lãnh đạo, quản lý và phục vụ xã hội. Kết quả khảo sát phản ánh mức độ tích cực trong ý thức học tập, tinh thần rèn luyện, trách nhiệm xã hội và năng lực hợp tác của SV. Tuy vậy, vẫn cần tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, rèn luyện năng lực tự học, tự quản lý và khả năng phản tư nghề nghiệp. SV có xu hướng tự đánh giá tích cực hơn so với nhận định của GV về ý thức và kết quả hoạt động của bản thân, điều này phản ánh sự khác biệt trong góc nhìn giữa người học và người dạy, đồng thời gợi ý cần kết hợp nhiều nguồn đánh giá để bảo đảm tính khách quan và toàn diện.

Xây dựng môi trường giáo dục nhân văn, dân chủ, định hướng SV làm trung tâm, kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực hành, giữa học tập và hoạt động xã hội là điều kiện cần thiết để hình thành và củng cố đạo đức nghề nghiệp bền vững. Sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, đội ngũ CBQL, GV và các tổ chức đoàn thể nhằm hỗ trợ, động

viên, nêu gương sẽ góp phần tạo nên thế hệ SV có phẩm chất, năng lực, tác phong và bản lĩnh nghề nghiệp toàn diện. Theo đó, đội ngũ SV ngành QLGD sẽ trở thành những nhà quản lý và nhà giáo dục có đạo đức, có năng lực và tầm nhìn, góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng nền giáo dục Việt Nam nhân văn, sáng tạo và hội nhập quốc tế.

Nghiên cứu cung cấp dữ liệu thực tiễn, đánh giá nhận thức, khả năng vận dụng và hạn chế của SV, đồng thời đề xuất khuyến nghị nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển toàn diện SV. Tuy nhiên, hạn chế của nghiên cứu chỉ tập trung một trường đại học, mẫu khảo sát còn hạn chế về số lượng và đa dạng, việc đánh giá hành vi đạo đức chủ yếu dựa trên tự đánh giá. Hướng nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi khảo sát tới nhiều cơ sở đào tạo, kết hợp đánh giá khách quan như quan sát hành vi, phỏng vấn CBQL, GV đồng thời nghiên cứu tác động của các mô hình giáo dục mới, bao gồm công nghệ số và trải nghiệm nghề nghiệp trực tiếp, nhằm xây dựng chương trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp hiệu quả và phù hợp hội nhập quốc tế.

**Tuyên bố về GenAI và Quyền tác giả:** Trong quá trình chuẩn bị bản thảo này, tác giả đã sử dụng ChatGPT (OpenAI) nhằm hỗ trợ chỉnh sửa ngôn ngữ học thuật. Tác giả chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung bài báo.

**Tuyên bố về xung đột lợi ích:** Tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích liên quan đến nghiên cứu.

### Tài liệu tham khảo

- Assefa, Y. (2025). Unpacking student engagement and its mediating role in higher education learning. *ScienceDirect*. <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S259029112500525X>
- Bộ GD-ĐT (2016). *Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy*.
- Bộ GD-ĐT (2020). *Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 về Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy*.
- Carvalho, L. (2025). Ethics in the teaching profession-The perception of teachers. *ScienceDirect*. <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2590291125002827>
- Creswell, J. W., & Creswell, J. D. (2018). *Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches* (5th ed.). Thousand Oaks, CA: Sage Publications.
- Chen, X., Zhang, Y., & Li, H. (2020). Learning motivation and academic engagement in higher education: The mediating role of self-regulated learning. *Journal of Educational Research*, 113(2), 180-192.
- Durkheim, E. (1998). *Professional ethics and civic moral*. Routledge.
- Gliem, J. A., & Gliem, R. R. (2003). Calculating, interpreting, and reporting Cronbach's alpha reliability coefficient for Likert-type scales. *Midwest Research- to- Practice Conference in Adult, Continuing, and Community Education*.
- Lee, J., & Park, S. (2020). Enhancing learner autonomy through digital pedagogy in higher education. *Higher Education Studies*, 10(3), 45-56.
- Miró- Colmenárez, P. J., Durán- Alonso, S., Díaz- Cruces, E., & Zamora- Ledezma, C. (2025). Enhancing university teaching through student- led review articles as a pathway to early research engagement. *Education Sciences*, 15(2), 249. <https://doi.org/10.3390/educsci15020249>
- Nguyễn Thị Lan Anh (2021). Giáo dục đạo đức cho sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, số đặc biệt tháng 5, 53-58.
- Nguyễn Văn Hòa, Lê Thị Hồng Nhung (2020). *Đào tạo kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp cho sinh viên quản lý giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phan Ngọc Hiền (2020). *Đạo đức nghề nghiệp trong giáo dục: Lý thuyết và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Stenalt, M. H. (2025). Exploring student engagement in studies into higher education. *British Educational Research Association*. <https://bera-journals.onlinelibrary.wiley.com/doi/full/10.1002/rev3.70085>
- Trường Đại học Sài Gòn (2022). *Thông báo số 2430/TB- ĐHSĐ ngày 24/10/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn về việc bổ sung, điều chỉnh nội dung trong Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên*.